

# PHÁP HOA VĂN CÚ KÝ

## QUYỂN 4

(Phần Thượng)

Tiếp, chánh giải thích: Trong phần đầu tiên giải thích sự lý, thì trước là giải thích, sau là nguyên do. Trong giải thích thì trước là giải thích lý, nói “Lý là chân như” cho đến “là thật”: lý thật tại đâu? Tại tâm ý thức, cho nên lý không chỗ tồn, biến khắp tại sự, nên “gọi sự là quyền”. Luận Câu-xá nói: Tập khởi gọi là tâm, tư lượng gọi là ý, liễu biệt gọi là thức. Ở luận kia, nhất hương hoàn toàn không có tức lý. Như trong Đại thừa thức thứ tám gọi là tâm, thức thứ bảy gọi là ý, thức thứ sáu gọi là thức. Giáo kia vì người mê, lại không có tức lý, cho nên giáo Thiên (lệch) Tiểu thừa pháp hữu lậu, hoàn toàn không có tánh tịnh, tức ít biết lý thường trụ. Cho nên biết hữu lậu tuy duyên tịnh..., đồng thuộc sự, đầy đủ như Sự Lý Bát Nhị Môn nêu rõ. Cho nên trong phần nguyên do, nói: “không phải lý thì không thể lập sự, sự có công hiển lý”, cho nên xưng tán phương tiện. Ai dám dùng tâm tam giới hữu lậu... để làm phẩm Phương Tiện mà được Như Lai xưng tán ngợi khen? Nếu không vậy, vì muốn cho chúng sinh thì nghĩa ấy ở đâu? Tướng thế gian thì nói làm sao để hiểu, để giải thích?

Trong phần Giải thích “Lý giáo”: Trước là chánh giải thích, tiếp “Phi giáo...” là nêu nguyên do. Đầu tiên trong giải thích lý, thì trước là lược giải thích, tiếp là dẫn lệ. Đầu tiên nói tổng sự lý trước, là hợp hoặc lý trước. Cho nên, biết: vô minh pháp tánh cho đến ngoại giới tất cả các pháp đều là sở thuyên. Tâm ý thức đây, danh cùng thể, đầy đủ tất cả pháp ngoại giới, thì ai biết giáo Pháp Hoa, dùng các pháp đây mà làm sở thuyên? Nếu không vậy thì tà kiến Nghiêm vương ác nghịch Điều-đạt từ đâu mà đắc? Tiếp, nêu lệ: Đây tức nêu giải để ví như nơi mê, khi giải lý chân tục đều để giải do mê đắc, cho nên trong mê thì còn gọi sự lý. Do giải thích lý đây mà được thành giáo. Dùng lý vọng giáo, thì giáo gọi là Quyền. Lý tại nơi mê, thì mê cũng gọi là Thật. Cho nên gọi quyền thật chẳng phải một chỗ đắc. Quả giáo luận đàm đây năng

thuyên cũng quyền, cho nên biết giáo kia chỉ giải thích lý kia, vì vậy nên Như Lai xưng tán giáo này. Nếu chẳng phải kinh này, thì ai dám tán thán giáo giải thích mê này là phẩm Phương Tiện? Nếu không vậy, thì từ Tam-muội ra tán thán cái gì?

Tiếp trong phần “Giáo hạnh”, “hành có sâu cạn”: nghĩa là Viên tiệm. Viên tiệm là gì? Nghĩa là bảy phương tiện, vẫn chỉ tiệm tiệm tức là Viên tiệm. Cho nên giáo định, mà hạnh thì đời đổi. Hạnh quyền giáo thật, vì vậy nói giáo không tiến thú, hướng chi giáo giải thích thật tướng, lý thật tướng không còn sâu cạn nữa.

Hỏi: Nếu không còn sâu cạn thì lẽ ra phải không còn giải thích hạnh giáo? Đáp: Giáo có hai thứ, giáo giải thích lý không hai thì tiêu biểu giáo hạnh tự phân, chỉ duyên hạnh có sai biệt dẫn đến giải thích (thuyên) hạnh giáo có chút sai biệt. Lại nữa giáo năng thuyên cũng không tiến thú, hạnh sở thuyên tự dần sai biệt. Nếu không vậy thì Như Lai phương tiện Ba-la-mật... sở chứng thế nào?

Tiếp, “Phước thoát”: Hạnh danh còn thông vẫn kiêm trái thuận, cho nên dùng phước thoát mà phân biệt quyền thật, gọi là “phước thoát”. Lại thông xưa: Các kinh địa tiền còn tự trái lý vì chưa khai quyền, kinh này khảm móng tay đều là Phật nhân để hiển bày thật. Ai biết kinh này Phật dùng hạnh xấu cũng được gọi là thiện xảo phương tiện? Dụ Tử thi thông khắp tất cả, đầy đủ như trong Tu Tánh Bất Nhị Môn nêu rõ.

Trong phần “Nhân quả” có ba: 1. Chánh giải thích. 2. “Không có quả...” : là nêu nguyên do. 3. “Hai loại quán...”: là giải thích thành. Trong phần Giải thích thành, nói “dùng hai loại quán làm phương tiện”: lại căn cứ pháp để nêu bày tướng, mượn quyền để lộ hiển, trong mỗi một lớp thông nhiếp các giáo, lẽ nào có thể quyết định hạn cuộc riêng hai loại quán ư? Như trong Thể dụng tiệm đốn khai hợp thông biệt, cũng có các pháp giáo thể dụng... Từ thể khởi dụng, từ đốn khai tiệm, từ tiệm hợp đốn... Tiếp “Thể dụng”: lại chỉ Sơ trụ vì tùy phân quả, quả đây tức có dụng của một trăm pháp giới. Nói “lập tất cả pháp”: trước trong phần sự lý thì dùng nhiệm duyên làm tất cả pháp, ở đây thì tịnh duyên là các pháp, đầy đủ như trong Nhiệm Tịnh Bất Nhị Môn nói.

Tiếp, trong phần “Tiệm đốn”: 1. Tự tha đều có tiệm đốn. 2. Hóa tha khởi dụng nghĩa kiêm quyền thật, đều là quyền trong thể làm pháp lợi tha quyền thật đây, cho nên phải nêu rõ khai hợp. “Khai hợp”: “Tiệm tự không hợp”: là Tạng Thông hai giáo không phế bỏ Tiểu thừa. “Cũng không hợp đốn” : Tam giáo Bồ-tát không nhập thật. Tiếp, “Thông Biệt

ích”: Trước nói tiệm đốn môn thì trong tiệm tuy có bán giáo mà bán ở đầu tiệm, nay bán ở sau Thông. “Tất-đàn”: tức là phán thể dụng nói ở trước cho đến Thông Biệt. Căn cứ trước để giải thích.

Tiếp, “Đương dụng...” là kết chỉ bày phương pháp. Nói “bốn câu”: là bốn câu “tương pha” v.v..., đầy đủ như trước giải thích. Tiếp trong phần “Dẫn chứng” có hai: Trước là dẫn, tiếp “Luận kia...”: là kết tán. Đầu lại có hai: Trước kinh, sau luận. Trong phần kinh: trước là dẫn một bộ, tiếp là dẫn một phẩm. “Dẫn một bộ”: là muốn lược chỉ phương tiện khắp, đầy đủ như trước đã xét. “Dẫn một phẩm”: Chánh nêu khắc thể, chỉ văn xứ, đầy đủ như liệt kê sau. Đầu, “dẫn một bộ”: thì trước là chọn lọc ý, tiếp chánh dẫn văn. Đầu chọn lọc ý: Phân chọn thông theo biệt, mười cặp, mỗi mỗi đầy đủ các giáo vị. Nếu có người không rõ sự lý cho đến Tất-đàn, thì tin không phải Phật giáo, lại từ đối đãi nhau cho nên phân chọn thông theo biệt. Tiếp, chánh dẫn: Đầu tiên trong sự lý nói: “không như tam giới”, nghĩa là không đồng. Bắt đầu từ Nhị thừa đều khác tam giới, chưa đủ để biện rõ nay. Nay từ câu trên “phi như phi dị” mà thành văn đây, cho nên cùng phương tiện giáo sự lý không đồng. Trong lý giáo, lý nói “tịch diệt”: Chân tục hai lý không thể nói. Tiếp trong giáo nêu “năm Tỳ-kheo”: đầu tiên Từ tiệm thuyết, cũng cần nên nói: Nếu người vô tánh thì vì họ nói nhân thiên, cho đến Tu-la... vì nói hạ phẩm thiện, cho đến vì nói vô tác tứ đế. Cho nên, biết: theo lý thì đều không thể nói, theo sự thị đại tiểu đều có thể được nói. Chứng giáo hạnh: Nếu nghe chứng giáo, khéo hành thì chứng hạnh. “Các ông...”: hai văn đều chứng hạnh, nên rộng căn cứ kinh này để nêu tướng khéo tu hạnh thành Phật. Nói “chủng chủng”: nghĩa bao hàm giáo hạnh, vì có nhân duyên xưa nay.

Tiếp, “Chỉ lìa”: là chứng phược thoát. “Chỉ lìa v.v...”: là trong Tiểu thừa thì lìa vọng gọi là “giải thoát”, tức dùng hư vọng, gọi là “phược”. Tiểu tuy giải thoát mà chẳng phải tất cả thoát. Tiểu thoát, đối với Đại thừa thì vẫn gọi đó là phược cho nên nói “chưa đắc”. Như thế chứng đại tiểu đều có phược thoát, chỉ nay gọi là thoát. “Tận hành...”: là chứng nhân quả, tận hành nhân, đạo tràng quả. Phải căn cứ trong đây để nêu rõ Bản tích quả biệt, cho nên nói “v.v...”. “Phật nhãn” là thể, “thấy lục đạo” là dụng. “Bắt đầu thấy” là đốn, “học Tiểu” là tiệm. Nói “v.v...”: là năm thời không đồng hội khiến nhập đốn, “Cùng tử” là khai, “phó tài” là hợp. “Hóa thành” là thông, “Bảo sở” là biệt. “Chủng chủng” là tứ Tất. Tiếp, “Biệt dẫn một phẩm”: Trước là kết phần trước sinh sau. “Chư Phật...”: là chánh dẫn, phải nhất nhất giải thích khiến

nghĩa hợp mười cặp và cùng ý kinh này hợp... Đầu, dẫn “Chư Phật...” hai câu: Câu trên nêu Phật trí sở tri, cho nên nói “thậm thâm”, tức là lý. Câu dưới dẫn môn môn tức là giáo. Sở thuyên vì diệu cho nên nói “khó hiểu”, sở tri sở thuyên lý kia không sai biệt. “Nhất thiết...”: Sự lý đều là cảnh, cảnh tức lý. Trí tức năng tri vọng năng thuyên, đều gọi là lý vì đồng là sở thuyên. Đây chính dùng chữ “môn” cho nên khó giải chữ, lại phân thuộc Thanh văn bên dưới bất tri, đối Đại thừa gọi là “phược”. Đây nêu bất tri chính hiển năng tri, cho nên năng tri gọi là “thoát”. Tiếp, “Sở dĩ...”: là giải thích “nan tri” (khó biết) bên trên. Chứng giáo hạnh do năng tri thuộc tại nơi Phật, bởi do bảm giáo có hành. Do thân cận Phật ắt được nghe giáo, “đanh xưng vang khắp” ắt hạnh đầy đủ. Tiếp “Thành tựu...”: là chứng thể dụng, “thành tựu rất sâu” tức thể đầy đủ, “tùy nghi sở thuyết” tức là dụng. Nên biết trong văn lược chữ “tùy nghi”. Tiếp, “Ta từ...” là chứng nhân quả, chánh thủ thành chữ để chứng nhân đắc quả cũng là quả có nhân. “Chủng chủng...”: là chứng tiệm đốn. Các thứ chứng tiệm khiến lìa chứng đốn. “Vì sao vậy?...”: là chứng khai hợp: Phương tiện chứng khai, đầy đủ chứng hợp. Vả lại căn cứ tự hành luận hợp, tự hành đã đầy đủ lợi tha tất nhiên. “Chư Phật vì đại sự...”: là chứng lợi ích. Đại sự từ biệt biệt ắt hội thông.

“Tóm yếu mà nói...”: là chứng tứ Tất-đàn. Nói “vô lượng vô biên” là chứng ba Tất-đàn. “Thôi không cần nói nữa” là chứng Đệ nhất nghĩa, chính là chỉ lý bất khả thuyết. “Tánh tướng như vậy...”: là chứng sự. Mười giới là sự, thật tướng là lý. Nếu chấp cứu cánh... thì Không Trung là lý, Giả... là sự. Nếu đem văn đây đối quyền thật... bên dưới, thì đều căn cứ trong thể mà luận, đương bộ đã khai. Nói “Phật Phật đều vậy”: là chư Phật hiển thật đều nêu năm Đức Phật lấy làm sự đồng. Tiếp, trong phần dẫn “luận Pháp Hoa”, thì đây cùng với luận kia có một ít khác biệt chỉ có tám cặp, thiếu khai hợp phược thoát. Lợi ích tức là thông biệt, khai biệt xuất thông làm lợi chúng sinh Phược thoát cùng nhân quả có chút sai khác, cho nên không biệt đối. “Luận giải thích trí tuệ chư Phật rất sâu, là chứng rất sâu”. “Thậm thâm (rất sâu) có năm”, nay căn cứ sở chứng nên phân biệt thuộc lý. Tuy phân làm năm mà không ngoài nơi chứng. “Nghĩa”: là nghĩa vị, Phật trí đắc chứng có thật nghĩa. “Thật thể”: nghĩa là lý sở chứng. “Nội chứng”: là tự hành khế hợp cảnh. “Y chỉ”: nghĩa là chánh nêu lý sở y. “Vô thượng”: là tán thán lý sở chứng. Khi đến quả thì vượt quá ba, năm, bảy, chín thừa..., luận tự chuyển giải thích “Vô thượng thậm thâm”.

Nói “Đại Bồ-đề”: Luận dùng chữ “Đại” để giải thích “Vô thượng”,

không phải dẫn Bồ-đề chứng vô thượng. Do câu thứ ba tự có chứng rất sâu, nên hướng đến căn cứ đương phẩm cũng dùng câu trên chứng lý, câu dưới chứng giáo. Nói “A-hàm”: Đây nói là pháp không gì sánh bằng, tức nói “giáo”. Năm câu trước chứng lý mà năng khởi giáo, gọi là “lý giáo”. Nay lý thông nhân luận văn tại quả. “Môn” là giáo trí gọi là “trí tuệ môn”. Trong đây phược thoái một cặp trong luận văn không có. Nay nếu lập, thì khó hiểu, khó nhập, vẫn thêm khó thấy, khó giác, khó biết. Trên “khó hiểu”, nói “tất cả Thanh văn Bích-chi-phật không thể biết”, đây chính là ý giải thoát. Thoát nên đối phược tức cùng phược thoát ý đồng. Luận văn hợp ở trong nghĩa A-hàm.

Luận đối với nghĩa A-hàm lại khai tám thị hiện: 1. “Phật đã từng thân cận...”: là Thọ trì đọc tụng rất sâu. 2. “Trăm ngàn vạn ức na-do-tha Phật sở tu đạo Bồ-đề”: là Tu hành rất sâu. 3. “Dũng mãnh tinh tấn”: là quả hạnh rất sâu. 4. “Danh tốt vang khắp”: là Tăng trưởng công đức rất sâu. Nay hợp luận bốn văn lấy “làm giáo hạnh quyền thật”. “Luận giải thành tựu...”: là Quyết diệu sự tâm rất sâu thứ năm. Luận “Ý thú...”: là thứ sáu: Vô thượng thậm thâm. Luận lấy “tùy nghi thuyết pháp” làm cái thứ bảy: Nhập rất sâu. Nay hợp luận ba thứ này cùng làm “thể dụng quyền thật”. Luận dùng nhị thừa bất tri làm cái thứ tám: Trụ trì rất sâu. Kinh đã không có văn, nay không có sở đối. Luận từ đây về sau lại lập bốn thứ “thành tựu công đức của Như Lai”: nhân quả quyền thật là thứ nhất. Sơ trụ thành tựu. Tiệm đốn quyền thật là thứ hai, Giáo hóa thành tựu. Trong đây thiếu một khai hợp quyền thật, còn lại cùng luận không đồng cũng không cần hòa hợp. Do luận văn tăng thêm câu, nay chỉ trực đối, như trước dẫn văn đương phẩm, cho nên nay lại hiểu rõ hiện văn. Từ trong “Chứng giáo hạnh”, thân cận ắt tu hành, tinh tấn ắt tăng trưởng. Nếu không tinh tấn tăng trưởng thì đâu có danh tốt vang khắp, cho nên hai thành hạnh đều do nghe giáo. Tiếp, trong “Chứng thể dụng”, sự tức là dụng, vô thượng cho đến nhập tức đắc thể. Đã nói thành tựu tín dụng từ thể. Tiếp, trong “Chứng nhân quả” nói “Nói Như Lai công đức thành tựu”: là công đức thuộc nhân thành tựu tại quả. Kinh nói “thành Phật đến nay” là nghiệm biết quả do nhân khắc. Tiếp, trong “Chứng tiệm đốn”, nói “giáo hóa thuyết pháp”: “Giáo hóa” thì thông nhiếp tất cả nghi thức hóa độ kiêm cả nghịch thuận. “Thuyết pháp” thì chỉ tại khẩu luân, hạn cuộc nơi thuận hóa. Nên biết ba luân đều nói thành tựu không riêng thi hạnh đốn. Tiếp, trong “Chứng lợi ích” lấy tự chứng để giải thích “lợi”, lấy lợi tha để giải thích “ích”. Vì tự chứng thật, nên nói thành tựu bất tư nghi; tùy tha quyền nên nói ngôn ngữ.

Trước nói thuyết pháp thông nơi tự tha, đây nói ngữ ngôn chỉ tại nơi tha. Tiếp, trong “Chứng tứ Tất-đàn” nói “có thể hóa”: Tứ Tất-đàn đều từ người có cơ duyên mà đặt tên, cho nên nói “có thể hóa”. Trước nói giáo hóa thông chúng thực thoát. Trong đây “có thể hóa” phần nhiều tại thực thoát. Nay nói “không thể hóa” là tương đối đến thôi! Tức là người không có cơ duyên tứ Tất-đàn. Trong “Chứng sự lý” nói “thành tựu chư Phật năng tri, thể Pháp thân”, đây chỉ quả địa Pháp thân làm lý, do tùy chúng sinh gọi đó là sự, đây cũng là pháp thân diệu cảnh sự lý đầy đủ. Nay ý thông tất cả, luận văn hạn cuộc quả, quả do đảm đương tất cả, cho nên nghĩa cũng đồng. Đây cùng Phật kinh và Bồ-tát luận văn lý nhà hợp, cho nên nói “cùng Tu đa la... hợp”.

“Kết thành ba thứ quyền thật”: Kết thành đầu số, cho nên dùng quyền thật cùng làm số kia. Hoặc thiết lập hoặc hội nhập, pháp không tăng giảm. Nếu không có văn đây thì khiến trước giải thích quyền thật chưa phân, Vả lại liệt kê mười danh, chỉ lược giải thích mà thôi! Cho nên, nay đối giáo chính là phân quyền thật. Văn tự chia làm ba: Đầu kết thành ba thứ, trong đó lại có hai: Đầu thông sau biệt, tóm thông thành biệt. Trong Thông lại có hai: Trước là Thông trong thông, tiếp là Biệt trong thông. Phần đầu, Thông trong thông: Trước nêu cho đến “cũng như vậy”: là nêu trong đó tuy nói bốn giáo đều có mười mà chính thành bốn giáo đều có hai mươi, hoặc ba mươi hoặc một trăm sáu mươi. Nói hai mươi: Tức tự mười, tha mười, do tự thông không có biệt pháp, lại dùng tự mười thông để lợi tha. Vì vậy, trong văn chỉ liệt kê mười, hoặc ba mươi nguyên do biên chép, hoặc nói là tiêu biểu bất định nên tự tha một hoặc không có bản số. Chỉ tự tha nên nay vẫn chia làm tự tha một đối: 1. Y giáo, do trong Đại Kinh có tự tha đây nhất trùng Nhị đế. 2. Y lý đã nhiếp đơn tự tha mà vì tự tha hợp, mất đơn kia gọi là tự làm một đối, hoặc chỉ mười để trong tự hợp quyền làm thật là mười thật, đối ở trong tha hợp thật làm quyền là mười quyền, tổng hợp mới thành mười cặp quyền thật. Hoặc hai mươi: Cũng đều tồn tại nơi tự tha mười cặp. Phải biết bốn giáo hoặc tám mươi hoặc một trăm hai mươi hoặc một trăm sáu mươi làm như đây cộng thành một bất tư nghì quyền thật, nghĩa là quyền trong thể để đối thật. Nếu không vậy thì chẳng phải Pháp Hoa. Tiếp, “Lại đương giáo...”: là trong biệt giải thích nói bốn thứ làm tự hành. Trước đã nói thông: mười, mười đều thông tự tha v.v... Nay nói biệt: Trong mười phân làm bốn, hai, bốn. Cho nên biết thẳng vậy phân mười để làm tự tha, không đối các giáo, mỗi giáo đều như vậy. Lại cũng có thể dùng năm thứ trước làm tự, năm thứ sau làm tha, tương đối làm

tự tha. E rằng tự tha trong một giáo còn thông tự tha tương đối, nay chia làm mười để thành ba nghĩa thì xưa nay vẫn thành biệt cho nên như vậy. Vì vậy nên bốn giáo chỉ có bốn mươi đều đầy đủ tự tha, cho nên biết kinh này chỉ thuộc trong Viên hóa tha tự hành, hóa tha mới được gọi là phương tiện. Tiếp, trong “Biệt kết” nói “hoặc thông hoặc biệt”: Chỉ ở trước thì đương giáo thông biệt, nay tổng dùng bốn giáo cùng đối tự tha, thì ba giáo là tha, chỉ có Viên giáo là tự, cho nên nói biệt. Thông biệt nói ở trước gọi là tự, cùng tha nghĩa có liên quan các giáo khác. Biệt thì buộc nơi thông biệt, tự thì chỉ có tại phẩm này, đó là Viên gia phương tiện thiết lập khai v.v...

Tiếp, “Kết thành bốn câu”: Kết hương biệt, kết tự tha để thành bốn câu.

Hỏi: Trước lập bốn câu mỗi câu nhiếp khắp, nay vì sao phân quyền thật đều nêu tương đối làm câu, tất cả không thành?

Đáp: Tuy nhờ bốn câu kia dùng để trình bày ý nay, mà chính là phân bốn giáo, lia nay đối câu có ba ý kia: 1. Đối luận thứ ba lia thấu hết tất cả giáo chưa được gọi là đầu đề của phẩm này. 2. Khai xong, lại đồng văn trước viên dung tất cả. 3. Nay câu thứ ba đã thấu hết giáo, chỉ dùng quyền thật tương tức trong câu thứ ba này, thì nhậm vận thấu được ba câu còn lại. Mượn tất cả kia bởi có nguyên do. Nếu dùng bốn câu đều thông các giáo, thì tư duy đó nói năng đó. 4. Kết thành ba thứ giải thích phẩm, tức là trong văn đầu pháp dụng... ba thứ, cho nên đem ba thứ đây đều trải qua năm vị để kết tên phẩm. Cho nên biết ở trước đã giải thích là lược, dựa vào đương phần đối giáo để nói. Cho nên một nhà hiển diệu, ít còn năm vị mới thành diệu. Cho nên mỗi mỗi giải thích biến khắp năm thời thì khiến pháp dụng và môn đến thời Pháp Hoa đều khai, khiến thành đồng thể pháp dụng môn đại xa. Hai cái trước đều thành nghĩa thứ ba.

Phần đầu căn cứ pháp dụng, lại chia làm ba: 1. Thẳng nêu năm thời. 2. “Như Lai...”: là nêu ý năm thời. 3. “Cho nên giải thích...”: là kết thành giải thích tên phẩm. Phần Thẳng nêu chia làm hai: Trước nêu ý xuất thế thiết lập quyền, sau chánh giải thích năm thời. Phần trước lại có hai: Trước nêu bản ý nhập thật, tiếp “Phật tuy...” : nêu rõ đầu văn ý thiết lập quyền, đạo tràng sở đắc thật, tu đạo đắc nên quyền. Cho nên dẫn luận Nhiếp Đại Thừa để song chứng hai văn, tức “Lý và Lượng”. Tiếp, ý thiết lập quyền là vì tiếp dẫn Tiểu thừa và độn căn. “Chấn” là vết xe đi, mới bắt đầu đi gọi là “phát”. Tiếp, trong phần “Chánh giải thích năm thời”, nói “bày việc này”, là bày riêng nói. Cho nên đến Hoa

Nghiêm kiêm thuyết biệt. Trong bộ, luận chủ tuy là Viên giáo mà căn cứ ý năm thời dùng Biệt trợ giúp Viên, hai giáo dưới cũng vậy. Đây căn cứ ba thứ pháp dụng của bốn thời trước không thể đến thật, cho nên chỉ thành nơi sơ nghĩa giải thích phẩm. Nếu đến Pháp Hoa thì dù gọi pháp dụng cũng thành pháp dụng bí diệu, tức có thể dùng dụng giải thích phẩm kinh này, thì phương pháp là danh mà ngày xưa thông bốn, nay không còn bốn, không còn ba nữa. Tiếp, trong phần “Căn cứ môn” có bốn phần: 1. Cũng thẳng lập năm thời. 2. “Từ đầu đến cuối...”: nêu ý năm thời, 3. “Giải thích phẩm nói...”: là kết thành giải thích phẩm. 4. “Trước một phen...”: cùng chương trước biện rõ sai khác. Phần một cũng trước nêu ý xuất thế thiết lập quyền, tiếp chánh nêu năm thời. Đầu văn nêu tự chứng đối với thuyết lấy làm quyền thật, cho nên nó tự chứng cũng không thể nói. Tiếp, trong nhũ giáo, không nói kiêm biệt mà thẳng nói biệt, vì từ nghĩa môn. Do đó trước giải thích pháp dụng thông bốn, nay chỉ tại ba, cho nên căn cứ năm vị giải thích môn đều từ năng thông, cho nên một Nhũ một Lạc, ba trong Sinh tô, hai trong Thực tô, Đề-hồ an trí như vậy.

Phần bốn: Biện rõ sai khác: Cùng trước pháp dụng tuy đồng nêu năm thời, mà đây nêu năng thông đến sở thông, cho nên được biện sai khác. “Trước một phen...”: là đầu tiên căn cứ trong phương pháp nêu rõ “Như Lai năng tri năng dụng phương tiện”, pháp là năng tri, dụng là năng dụng. Chúng sinh không biết là Phật phương tiện, nay đều khai khiến chúng sinh biết. “Đây một phen nêu rõ” khiến chúng sinh thuận theo phương tiện, nghĩa là từ môn thuận theo thật, mà cũng không biết phương tiện tức là thật của sở thuận. Nay cũng khai phương tiện đó. Lại hai chương trước đều có cơ duyên ứng với hai ý, chỉ trước phần nhiều theo ứng thuyết, cho nên lại nói Như Lai, sau phần nhiều theo cơ thuyết nên nói hành. Cho nên nói ân cần tán thán đều từ Phật đắc. “Lại nữa...”: là phần thứ ba căn cứ bí diệu giải thích, do diệu nên tức, vì muốn thông bốn thời trước nên dùng Viên làm tức. Ba vì bất tức cho nên lại đối bất tức để giải thích tức, trong đó lại chia làm bốn: 1. Nêu rõ ý hóa độ. 2. Trả qua năm vị. 3. “Hai ý trên...”: đối trên biện sai khác. 4. “Trên giải thích...”: là kết phẩm danh. Ý hóa độ là ý chỉ Đại, đồng trước. Năm vị, có thể thấy. Nói biện sai khác: Tuy đồng năm vị mà sở đối biệt, tuy trong các vị có tức bất tức, mà Phật thì thường tức, chúng sinh thì tự ly. Lại phạm giải thích năm vị thì chỉ được phân biệt danh, nếu thành phẩm này thì phải cần khai lại. Đây tuy căn cứ ba nghĩa trước để giải thích phẩm, thì hai nghĩa trước đến vị thứ năm đã thành khai



xong. Tuy thứ ba thuộc khai, nay lại thông trước. Bốn thứ trước cũng nói “không phải nay sở dụng”, nay cũng thành sở đãi là thô. Viên và sở nhập mới là chân thật. Sau giải thích tuy lại đối năm thời nhưng chỉ biết Đề-hồ, đều là bí diệu, khai cùng phê phán tại trong kia.

“Phần sáu: Phân biệt chiếu đế”: lại có hai phần: 1. Nêu dụng ý: 2. “Nếu thông...”: là chánh nêu chiếu đế. Phần một, ý: Trước tự tha... đã nói quyền thật từ trí đặt tên, nay biện minh sở chiếu nên lần nữa lại nêu. Trước nêu dụng trí chẳng phải không chiếu cảnh, muốn khiến dễ hiểu nên lần nữa lại nêu sở chiếu. Phần hai: Chánh nêu, chia làm ba: 1. Thông giải thích: danh thông mà giáo biệt, nếu tóm bốn làm hai thì, trong mỗi một giáo đều dùng bốn làm hai, như trong “Tự” thì quyền thật tóm làm một thật, trong “Tha” thì quyền thật tóm làm một quyền, cho nên chỉ thành hai. 2. “Nếu phải phân...”: là biệt giải thích, pháp biệt và giáo biệt, căn cứ trước có thể biết, trong đây chuẩn theo văn biệt kết ở trước, chỉ nên dùng bốn thứ: Sự, Lý v.v... làm tự chứng. Nay nói Tất-đàn, văn sợ lầm, Tất-đàn thuộc tự tha ở sau. 3. “Lại nữa Tam tạng...”: tức tổng lược bốn, nêu rõ trước là giáo biệt mà pháp có tổng biệt, nay là giáo tổng mà pháp biệt. Đây văn có ba lớp: Một là: Dùng Tam tạng làm tha; Hai là: Dùng nhị giáo làm tha; Ba là: Dùng tam giáo làm tha, và cuối cùng dùng Viên làm tự, do tha bất định, tự tha tùy thuận, cũng tiến thoái bất định. Trong lớp đầu dùng Thông, Biệt làm tự tha, vẫn là Biệt tướng tự tha, do tha chỉ có Tam tạng. Lớp thứ hai, đã dùng Thông và Tạng làm tha, cho nên chỉ dùng Biệt làm tự tha. Lớp thứ ba, đã dùng ba đều làm tha, tự tha không còn thể riêng biệt chỉ được đem ba giáo cùng Viên đối nhau nói. Cho nên, nói thu tóm ba giáo... Nhưng trong lớp đầu thì Thông, Biệt hai giáo đều có hai hướng. Thông có bất cộng cho nên đồng Biệt. Biệt căn cứ nghĩa cộng cho nên đồng Tạng. Biệt theo giáo đạo cho nên là tha, có chứng đạo cho nên đồng tự.

“Phần bảy: căn cứ các kinh”: Hỏi: Nay căn cứ các kinh trở lại liệt nêu năm vị cùng trước đâu có sai khác? Đáp: Trước dùng năm thời trải qua ba thứ: Pháp dụng, v.v... Chỉ vì thành năm thời đều có ba thứ: Pháp dụng, v.v... khiến biết Pháp Hoa ba lớp đều diệu, nên dùng năm vị trải qua các kinh, dùng bộ đối bộ mà biện thô diệu, thì sáu môn trước đều cần năm vị khiến tất cả giáo đều là ba thứ: phương pháp v.v..., đều là thô diệu sai biệt và do tất cả đều diệu. Huống chi đem các kinh mười cặp trải qua khắp năm vị, vì môn hộ biệt cho nên không cần trách đây. Như trong Huyền Nghĩa thì khoa khoa đều nêu năm vị. Nếu không có năm vị này, thì một khoa một câu, bộ nay không khác trước, cho nên

nơi nơi đều nêu rõ.

Trong đó chia làm hai phần: Phần một: Nêu năm thời đầy đủ giáo nhiều ít. Phần hai: “Lại nữa...”: là lần nữa lại dùng nhiều ít mà nêu tự tha, kết thành giải thích phẩm. Phần một: Nay chánh nêu giáo vị cho nên thấy đều ở trước khiến biết lãnh giải đầy đủ vọt lên năm vị. Đầu tiên vị Nhũ chia làm năm: 1. Bán mãn. 2. Căn cứ thời. 3. Căn cứ pháp. 4. Căn cứ người, trong người lại biện sinh pháp không đồng. 5. Dẫn kinh này để phân biệt tướng vị. Bốn vị cũng như vậy. Chỉ ba vị Lạc v.v... đều thiếu người, văn bao hàm nghĩa đầy đủ. Trong vị Lạc, ứng nói căn cứ người chỉ là Nhị thừa, Bồ-tát không dùng. “Phương đẳng” ứng nói căn cứ người lại đối Đại tiểu bài xích khắp nhập Viên. “Bát-nhã” nên nói căn cứ người đời Tiểu nêu Đại, dẫn Tiểu mà trở về Đại. Pháp Hoa căn cứ người rộng ở sau nói rõ, từ “Đây thật là con ta...” Nói “chưa từng thuyết”: Thông luận thì các giáo trước đều chưa khai, biệt mà luận thì ba thứ: Giáo, Hạnh, lý trước có lẽ đã hội. Nếu khai nhân (Người) thì các giáo trước vốn không có, nên dùng đó làm phẩm mục. Cho nên biết không phải đồng thể phương tiện, không dùng thiết lập khai... Phần hai dùng nhiều ít để phê phán: Trước đã ủy thác nêu rõ nhân thời pháp... để luận năm thời dụng ý không đồng, đây lại lược thâu các pháp thời ở trước v.v... Chỉ căn cứ người, Đại Tiểu lợi độn đều nhập thật. Người kia nếu nhập, thì các thứ còn lại đều trở về, cho nên lại lần nữa nêu rõ. “Văn nói...”: là dẫn chứng để kết tên phẩm, “v.v...”: là lẽ ra lại giải thích thêm mà các phương tiện trước đều chẳng phải ý nay, ý không khác trước nên không nêu lại lần nữa.

Tiếp, “Bản Tích”: Chưa là ý phẩm, bởi vì trong Bản tích đều có phương tiện, cho nên dựa phương tiện để nêu rõ Bản tích. Phương tiện danh đồng, mà viển cận thì vĩnh viễn khác. Tuy vĩnh viễn khác mà không vượt qua mười cặp, vì Bản thật đặc cũng đâu ra ngoài nhân quả tự tha. Cho nên, “Ta xưa hành Bồ-tát đạo” và “Ta thật thành tự”, tức là lý sự cho đến nhân quả. “Thành Phật đến nay” tức là thể dụng cho đến Tất-đàn, trong đó thầy trò hai văn đều có hai. Trước nêu tự tha bình đẳng có ba, tiếp kết thành bốn câu. Văn nói về Thầy có hai: 1. Bản Tích đều có quyền thật, 2. Buộc Bản làm thật, buộc Tích làm quyền, lại trong Tích thì thô diệu đối với Bản đều thô, trong Bản thì thô diệu đối với Tích đều diệu. Cho nên nay cũng vậy, riêng chỉ “cửu thành” gọi là “tự”, nên trong “cửu thành” đều là hóa tha. Sở dĩ trung gian ngày nay dù có phước bỏ ba cũng gọi là tha. Người đời không thấy mà chỉ dùng pháp thân làm Bản, thì giáo nào lại không có? Chỉ lấp che không biết

tuổi cha mẹ, nên hiển thật thành làm Bản. Tiếp, tóm lược chỉ ngoài một “cửu thành” thì đều gọi là “tha”, cho nên trong “Tự tha” chỉ tóm lược Bản Tích được, gọi là Quyền thật. “Kết thành bốn câu”: Đối thì nên nói trong Bản thì quyền thật đều thật, trong Tích thì quyền thật đều quyền, vì Thật trong Bản đối với (vọng) Quyền trong Tích, gọi là câu thứ ba. Bất tư nghi nhất, Bản tích đều đắc song phi cho nên vậy. Nói “vân vân” là khiến như những điều đối đã nói trước nay.

Tiếp, đệ tử Tích bản đối nhau đều có Quyền thật, cũng từ Bản tích lập hai danh. Nếu luận chung thì Bản và trung gian cho đến ngày nay, mỗi một tiết đều đầy đủ có bốn câu. “Cũng đủ bốn câu vân vân”: thì “vân vân” là như trước đã nói về Thầy, chỉ lấy đệ tử làm khác cho nên nói “cũng đủ”. Tuy Thầy trò đều bốn câu mà nếu ở Thầy trò dựa theo phán Bản tích thì trong Bản bốn câu đều là Bản, trong Tích bốn câu đều là Tích. Nếu lấy tên Bản Tích làm bốn câu, thì nên nói: Tích của Bản đều là Bản, Bản của Tích đều là Tích. Bản Tích đều có Bản Tích, đều bất tư nghi, tư duy có thể thấy. Lại nên chỉ dùng hai câu để phán xét, tức hai câu đầu là đầy đủ như Huyền Văn Bản môn thập diệu, cho đến nhiều ít rộng hẹp căn cứ đây có thể biết. Tiếp, “Nếu từ Phật Tích...”: là kết thành giải thích phẩm. Thầy trò từ Bản thù Tích, căn cứ bản ý về giáo hóa, thì đã đều được gọi là phẩm Phương Tiện, huống chi Thầy trò “dẫn nhập Viên nhân” mà không gọi là phẩm Phương Tiện ư?

Có người hỏi rằng: Nay phẩm Phương Tiện lấy gì làm thể? Người khác đáp: Có người nói “Dùng Hậu-đắc-trí làm thể”. Dẫn Duy Thức nói: “Năm Ba-la-mật sau đều là Hậu-đắc-trí”. Ta nay dùng Căn bản trí làm thể.

Nay cho rằng, nói “Thể”: là chấp sở y làm dụng đương thể. Hoặc là chấp sở y tức quyền mà thật làm “Thể”, hoặc là chấp đương thể tức thật mà quyền làm “Thể”. Hai nghĩa này đối với Căn bản, Hậu đắc trí đâu thường tạm phân, huống chi chỉ nói năm thì Hậu đắc không có “Thể”, huống chi phân Bản tích. Chỉ một “cửu thành” mà làm Căn bản, còn lại đều là Hậu đắc!

Tiếp, chánh giải thích kinh văn, nói “Hoặc đến sau kệ”: là sơ thứ chín nói: Căn cứ theo ý của ngài Nam Nhạc thì chỉ đến sau kệ làm chánh. Nếu y các sư phương Bắc thì đến Tứ tín đệ tử ở sau kệ vì để nghe kinh, phán thuộc chánh thuyết. Đây phân không sai lầm cho nên cả hai thuyết còn sử dụng. Nếu không so sánh thì thuật ý dựa vào ngôn ngữ. Mặc dù so sánh, vẫn là thuật ý tuyệt ngôn ngữ. “Chư Phật nhị trí như trước nói vân vân”: Đầy đủ như ba thứ và dùng mười cặp. Nay tán thán

chư Phật và dùng đức Thích-ca làm năm Đức Phật lộng dẫn bên dưới, vì chư Phật gồm bốn Đức Phật. Trên hào quang chiếu đến nơi đây đều có năm thời chính tiêu biểu năm Đức Phật nhị trí không khác. Kia đây tương vọng, nên gọi là “ngang”, xưa nay tương vọng nên gọi là “đọc”. Đây tiêu biểu Đức Thích-ca, nơi khác tiêu biểu bốn Đức Phật, tức là nêu năm Đức Phật đạo đồng.

“Lúc bấy giờ”: Là lúc năm đêm lành hiện. “Phật thường...” là hỏi. “Đây có...” là đáp. Đáp có đầy đủ tứ Tất-đàn, xưa nay sai khác nên có xuất nhập tức thế giới. Nói “Quyết trước nhập Vô lượng nghĩa...”: đây căn cứ ý làm Tựa, chỉ trong một định nghĩa bao gồm hai hướng đều thành Thế giới. Trong “Vị nhân Tất-đàn” nói “lý lịch...”: Lý lịch tức trải qua sự đối cảnh, “Pháp duyên” tức nội duyên chân lý, xuất nhập xứng lý mới sinh vật thiện, tức “Vị nhân”. Định trị tán ác, phải trước nhập định, tức “Đối trị”. Căn cứ tự tha lợi ích đều đắc thật tướng, tức “Đệ nhất nghĩa”. Nói “ai”: là tên khác của “mãn”, là thương, thương chúng sinh khắp tất nhiên là tứ Tất-đàn. Tứ Tất-đàn đây bất tư nghi đại cảm ứng, cho nên bốn pháp đều gọi là “an tướng mà khởi”. Đây nói “an” là trong an bốn pháp rồi mới khởi hóa tha.

Có người hỏi: Trong đây bảo Thân-tử cùng với Đại Phẩm có gì sai biệt? Nay đáp: Đây chỉ Đại Phẩm, bắt đầu là từ tứ A-hàm, cuối là đến kinh này, từ Xá-lợi-phất xuất gia đến nay nơi nơi đều có bảo mỗi mỗi không đồng. Trong tứ A-hàm thì hoặc là phát khởi sinh diệt pháp luân cho nên bảo, Phương đẳng thì bài xích cho nên bảo, Bát-nhã thì gia bị cho nên bảo, nay thì kinh khai cho nên bảo:

Bản luận nói: Bảo Thân-tử, không bảo các Thanh-văn, do Thân-tử có trí tuệ thâm sâu. Không bảo các Bồ-tát có năm: 1. Vì các sự sở tác của Thanh văn. 2. Hồi hướng đại Bồ-đề. 3. Khiến không sợ hãi. 4. Vì muốn phát sinh khéo tư duy cho người khác. 5. Khiến không khởi tâm việc làm đã xong. Cho nên phải biết năm ý kiem khác các kinh khác. Trước hiển lộ giáo không nói Thanh văn đặc nhập Phật trí. “Mười thứ như trong Huyền Nghĩa”: Huyền Văn thứ chín giải thích: trong dụng thì Bản tích đều có mười. Trong Tích có mười: Phế, hội, khai, phú, phá ba hiển một, trụ ba hiển một, trụ một dụng ba, trụ một hiển một, trụ phi ba phi một hiển một. Nếu trong Bản mười thì chỉ dùng Bản thế một, dùng Tích thế ba, nói có thể. Cho nên trước bảo để động mọi người. “Đây chính là kinh gia...”: Cho nên biết bốn chữ “Bảo Xá-lợi-phất” hoàn toàn là lời của kinh gia. Nên biết Kinh gia từ đó rút gọn. Nếu bảo Xá-lợi-phất, rồi dưới lại ghi mấy chữ Xá-lợi-phất nữa, thì rườm rà. Nói

“Luận cùng nghĩa đây tương ứng”: là dẫn luận văn đây cũng đây đủ tứ Tất-đàn: Đầu văn nói thế giới động và bất động sai khác. “Như thật trí...” là Vị nhân vì sinh vật thiện từ quán khởi. “Hiện Như Lai...” là Đối trị vì lực năng trừ ác. “Như Lai...” là Đệ nhất nghĩa, vì không lìa định. Cho nên văn tự giải thích là Đệ nhất nghĩa. Lại dùng tứ Tất để tổng giải thích tự tại. Nếu vậy thì tứ Tất-đàn tổng giải thích hai thứ trước nghĩa là tự tại không ngang ngược, hai thứ đây đều đầy đủ tứ Tất. “Già phu...”: Văn của luận Bà-sa nay lại chép đủ, trong Tạp Kiền-độ quyển hai mươi hai hỏi: Tất cả oai nghi đều kham tu hành, đâu riêng gì “Kết-già”? Hoặc có người nói: Chính là pháp thực hành của hàng sa chư Phật quá khứ, là pháp mà đời sau cũng thực hành. Nay là văn thứ nhất. Có người nói: “Khiến người cung kính thì chẳng phải là nghi của thế tục”. Nay là văn thứ hai. Lại nói “Năng phát tam Bồ-đề tâm”. Nay là văn thứ tư. Lại nói “Năng phá ma quân”, nay là một nửa văn thứ ba. Lại nói “Có thể ý của nhân thiên không cùng ngoại đạo”, nay là một nửa văn thứ ba. Nay làm thành tứ Tất-đàn, Cho nên, hợp luận thứ tư thứ năm làm một Đối trị, luận đối trị ở sau Đệ nhất nghĩa. “Riêng cho rằng...”: là riêng phê phán văn trước nói đầy đủ ý tứ Tất, khiến như trước đưa ra kèm giải thích nêu bốn ý.

“Hỏi: Các kinh khác...”: Cũng là luận văn. Luận nói: Sao gọi là buộc niệm ở trước?

Đáp: Buộc tại trên mặt cho nên nói “ở trước”, trong luận đầu nói giữa chặn mày cũng như vậy.

Lại nói: Từ vô thủy đến nay nam nữ nhìn nhau khởi dục tưởng phần nhiều ở mặt. Lại nói năm căn: nhãn v.v... năng sinh dục tâm, nói có thể biết. Nay văn phân ra ở trước, ở mặt để làm hai giải thích vì nghĩa lập. Văn đầu nói “ở trước” để làm chỗ tiêu biểu giải thích, tức ý tứ Tất-đàn. Tiếp, căn cứ nghĩa ở mặt lập bốn giải thích, tức ý tứ giáo. Đầu tiên có quay lưng có hướng đến, tức Thế giới Tất-đàn, quán tịch, định sinh tức Vị nhân, trái với sinh tử ác tức Đối trị; tịch diệt có lý tức Đệ nhất nghĩa. Tiếp theo là, căn cứ giáo, “bất tịnh quán” thành rõ ràng là Sơ giáo, “cùng Không tương ứng” đâu chẳng phải Thông giáo? Vì “phân biệt” cho nên đâu chẳng phải Biệt giáo? Thật tướng tức là ý Viên giáo.

Hỏi Mặt chỉ có bốn căn, tại sao được nói sáu?

Đáp: Mặt có đủ năm căn, tức là bốn và hữu thân. Nếu khi duyên cảnh hiện lượng sắc v.v..., thì ý lại ở trên. Cho nên Câu-xá luận nói: Có thân căn chín việc, mười việc có các căn khác.

Nói “chín việc”: Tức bốn đại năng tạo là địa, thủy, hỏa, phong, và bốn thứ sở tạo là lấy sắc hương vị xúc và thân căn một, cho nên nói chín việc. Nói “mười việc”: Còn lại các căn nhãn v.v... đều đủ mười việc, như trên nhãn căn có bốn thứ năng tạo và bốn thứ sở tạo, nhãn và thân căn, cho nên thành mười. Nhãn... giác xúc, tức tánh của thân căn. “Không phải ba thứ hóa tha”: là không phải Quyền thực trong ba giáo. Trước đã nhiều phen giải thích phẩm, vả lại căn cứ một thứ dùng ba thuộc hóa tha làm Quyền. Viên là tự hành thuộc thật, cho nên văn trước đã giải thích ba thứ tự tha.... Trong phần “Căn cứ để mà giải thích” làm ba tiết giải thích. Tiết thứ ba giải thích cả ba đều thuộc hóa tha. Cao sâu ngang độ. Trong đó pháp thí hợp lấy đây để lệ cho sau, nay giải thích thật đã cùng khắp ngang dọc. Dưới giải thích quyền lý nên sâu cùng cực, dưới sẽ giải thích quyền dự thuật tương kia. Cho nên nói “vân vân”. “Trí tuệ môn kia”: Kia chính chỉ “thật quả nhân trí.” ở trước. Nếu trí tuệ tức môn, thì môn là quyền. Nếu môn của trí tuệ thì trí tức quả. “Bởi vì là...”: trong đây nên dùng thập địa làm Đạo tiền, Diệu giác làm Đạo trung, chứng sau làm đạo hậu. Cho nên biết văn ý tại địa vị của nhân, trừ Chân như ngoại phạm có tu nhập, còn lại đều thuộc Quyền. Chỉ lấy quả vị Chân như cứu mẫn làm ao thanh lương (trong mát). Đây căn cứ tự hành nhân quả tương vọng để giải thích, tức giải thích lớp thứ năm trong phẩm. Nếu thông chín địa còn lại đây thì không như vậy, lẽ nào vì Đạo tiền mà không có Thật ư? Tức là thực trong bốn cặp đầu. Lẽ nào có Đạo hậu mà không có Quyền ư? Tức là Quyền trong năm cặp sau. “Khó hiểu khó nhập...”: là lược tán thán địa vị nhân của Đạo tiền từ đầu đến cuối.

Tiếp, từ “Không mưu tính mà thấu hiểu” trở xuống: tức trong nhân vẫn chỉ sự dụng là Quyền, do nhân quyền đây đều là nhân chân thật, tức biết quyền đây do chứng thật lý. Trong văn theo dụng theo nhân mà tán thán riêng. “Thập trụ mới giải”: “Giải” là tên khác của “khai”, cho nên đem danh để đối vị. Trong luận, ở đây trước lại có ba câu: Khó thấy, khó giác, khó biết, nay nói đây là phương tiện khó giải, cũng có thể dùng đối Văn, Tư, Tu. “Bản ý pháp thân”: Nếu vọng mười phương thì không có thời nào là không ứng, nay căn cứ “phương này chưa thiết lập giáo hóa trước” cho đến “từ lâu xa chưa kết duyên đến đây”, trong đoạn này chúng sinh đều gọi là “tại pháp thân”. Không có nghĩa muốn dùng Tiểu thừa giáo hóa cho nên nói “dự định điều đó”. “Không có cơ duyên...”: Đây là từ kết duyên về sau mà nói, thời đó vẫn còn rộng. Từ “Hoa Nghiêm” trở xuống: là đời nay thiết lập giáo hóa. “Nay Đại cơ”

cho đến “không biết”: là Đại cơ kích đại ứng, nên nói “khải phát”. Lẽ ra nói “muốn phát”, vì sao nói “khải”? Do điểm lành Đại đã hiển rõ, cho nên nói “khải”.

Tiếp, lần nữa lại giải thích “Môn”, “Quang Trạch...”: Dùng Ngũ đình... gọi là Tiểu thừa phương tiện. Nếu luận ý giáo hóa thì tán tâm búng ngón tay mà còn được gọi là “môn”, đâu riêng gì Tiểu thừa phương tiện không phải môn ư? Ý ngài Quang Trạch chưa hẳn hoàn toàn đúng, không thể hoàn toàn đoạt cho, nên nói “dữ đoạt”. Trước nêu “đoạt” là chưa có khả năng nhập Đại, bị Phật phá bỏ, đã không thể biết thì nghĩa “Môn” không thành. Cái gọi là “dữ” tức là: Tam giáo đều là môn năng thông, nhị thừa cũng đặc phần ít trong năng thông, vì chưa có khả năng nhập, còn tổn thất ở năng, còn chưa thành “năng” thì vĩnh viễn không biết “sở”. Nói “tối thiểu” (rất cạn): Tiểu thừa đã nông cạn lại là phương tiện. Nói “vân vân”: “Dữ nhưng đoạt” này lẽ ra phải rộng phân năng sở thức, bất thức..., như trước dùng “Môn” để giải thích phương tiện. Từ “Nay giải” trở xuống, là rộng lập bốn câu, muốn dùng câu đầu phá Quang Trạch cho nên rộng nêu câu thứ hai thứ tư, vì không có Phật trí làm môn, nhập phương tiện trí cho nên có thể nghĩa lập. Nếu luận kinh này chỉ ở câu thứ ba, thì Ngài Quang Trạch chỉ được phần ít của câu đầu, hưởng lại các môn. “Giải thích của Quang Trạch” cho đến “nhất quán”: là “Không” phân ra làm Thể và Tịch. Tịch là chút phần trong Không. “Thập nhị môn”: Nên phân biệt mười hai môn đều có tướng phương tiện trong môn. Đối với ba, bốn môn đã có tiến không? Hội rơi tại nhất. “Nhất môn”: Phần nhiều chỉ hữu môn, bởi vì trong hữu môn dùng Thất phương tiện. Câu thứ tư: Trước đã nhập trung, cho nên nói “song chiếu”. Nếu khai hiển Trung thì tức là kinh này từ thể khởi dụng. “Khu khu”: Là đáng mạo quanh co. “Đây cần khai thác”: khai luận một câu như trước nay các giáo đều có các môn. “Vân vân”: là trong mười sáu môn thì thuộc môn nào? Nếu viên bốn môn, thì đầy đủ như Chỉ Quán quyển thứ năm. Viên giáo quán môn và giáo trí hạnh lý. Cho nên luận chỉ nói A-hàm, nói giáo là môn. Sự nay bèn dùng trí làm trí môn, ý nói sơ trụ Phật trí làm môn nhập Phật quả trí, nên từ Trụ đến Địa đều gọi là “khó”. Vì “khó” nên tán thán nhập để khiến đặc nhập. Cho nên nếu đặc môn vô công dụng đạo, thì ắt nhập Phật tuệ không chỗ nghi ngại. Thế nên, trên nói Viên nhân xứng phẩm Phương Tiện, nhân tức môn. Vậy thì khai thị ngộ nhập đều gọi là Trí tuệ môn. Từ “Sở dĩ vì sao?” cho đến “chư Phật nhị trí”: là không đồng giải thích của Ngài Quang Trạch: 1. Văn đầu nói “sở dĩ vì sao” tức nghiệm biết giải thích

trên. 2. Văn dưới nói Thích-ca ban đầu tự nói “Ta từ khi thành Phật đến nay” chính là Thích-ca tự tán thán nhị trí. Nay giải thích chư Phật nói “Sở dĩ vì sao?”: là cả hai Nhị trí đứng đầu, vì sao Thật trí rất sâu? Bởi do ngoài gặp Phật nhiều. Nói “Thân cận...”: thân gần Phật ắt lãnh thọ vãng theo điều chí yếu. “Thuần hậu” ắt do tận hành. “Dững mãnh tinh tấn tức giải thích Quyền trí” là các hạnh không ra ngoài dững mãnh tinh tấn. Nay trên Quyền trí thêm Dững mãnh tinh tấn, có hai ý: 1. Tâm hy vọng tồn tại. 2. Thân tâm đều cần mẫn. Nhị trí đều do tinh tấn, nhưng nay chỉ dùng hành biên đạo pháp, bởi vì thuộc Thật trí. Căn cứ danh xưng “biên”, vì thuộc Quyền trí, sợ chưa tận lý cho nên lại thêm “dững mãnh”, dùng giải thích quyền trí. Lại dùng Thật trí sâu rộng để so sánh với Quyền trí, bởi vì Quyền trí cũng đủ ngang dọc. Cho nên cần phải dững mãnh tinh tấn, một câu dụng phỏng theo dọc sâu, cho nên không được dùng tinh tấn để giải thích Thật trí.

Lại nữa, “khó nhập môn”: Nếu kia thoái từ phần chứng tám tướng cũng tùy số của chư Phật, chính là dùng giáo hạnh làm môn. Từ hạnh nhập chứng, chứng không phải dễ dàng, cho nên “khó nhập môn”. “Nhập rồi” thì có thể ân thấm nhuần trăm cõi, cho nên nói “vô cương” (không cùng).

Hỏi: Trăm cõi có hạn, sao nói “vô cương”?

Đáp: Giới (cõi) tuy có hạn, mà lợi ích cho chúng sinh thì không cùng. Phần chứng mà còn như vậy, huống chi luận mười phương cứu cánh quả Phật. Dùng quả nghiệm nhân, lẽ nào có bất tận hành đạo pháp, không dững mãnh tinh tấn mà năng khiến nhị trí ngang dọc sâu rộng ư?

Tiếp, trong phần “Kết nhị trí”: dùng “thành tựu” làm kết Thật, “tùy nghi” làm kết Quyền.

Thật ắt thành tựu, Quyền ắt lợi tha, cho nên Thật trí nói “đến bờ bên kia”, Quyền trí nói “xứng cơ thích hợp”. Lại, trong Thật trí xứng lý nên “đến bờ”, “rất sâu” nên cứu cánh, đều tùy thời mà nói đó thôi! “Tùy tình...”: Pháp Hoa về trước không hiểu nghĩa nên nói “khó hiểu”. Tức chỉ giáo nay đều gồm nhập Thật, nên nói “dễ biết”. Nếu vậy, thì do nhập “không đúng” nên nói “khó hiểu”. Nếu đến kinh này thì hoàn toàn không có “không đúng”. Chỉ mượn “khó hiểu” xưa để giải thích giáo nay “dễ biết”. Dẫn “Nhiếp Đại Thừa”: Nay văn hiển liễu nghĩa chỉ y văn để xét, như thọ ký nhị thừa thúc ép tăng thượng mạn, Thật đặc thì ắt tin mà Diệt tướng thì còn nghe. Đại Thông kết duyên, Hóa thành không thật, Như Lai thành đạo từ lâu số kiếp như vi trần. Vượt qua chỗ



tối tăm của ngày xưa, trì một bài bốn câu kệ mà công không thể lường, nghe Thọ mạng lâu dài mà thâm hoạch quả báo vô biên. Lẽ nào vẫn dưới đây lại có nghĩa lập, khiến người nhị thừa không được thọ ký... ư! Khiến thọ lượng Phật gấp ngắn...ư! Cho nên trong Tứ ý thú, thì Bình đẳng ý thú chỉ nói chư Phật đều như vậy, không thể dùng Phật khác thế đây, cũng không thể dùng Biệt thời ý thú để giải thích thọ ký Thanh văn. Ý lạc ý thú giải thích Tích bản lâu (dài) xa. Ví có sử dụng chỉ có thể nói trước lúc ấy thì không ưa, vả lại hợp Diệt-tướng thích nghi tùy từng thân cận. Nếu dùng hết ý thú này để hiểu rõ văn kinh thì kinh này hoàn toàn thành thuyết bất liễu nghĩa, đều phải dùng nghĩa để xem xét văn. Cho nên các kinh trước thì tùy ý bộ nào mà văn nghĩa bao hàm. Như Chân như chân đế, Vô sinh vô diệt, Địa tiền địa thượng, Pháp thân Hóa thân, đều phải nghĩa quyết định mới liễu văn, do bộ bao hàm giáo chung, không thể dựa vào ngôn ngữ, phải theo nghĩa mà phân phán mới gọi là ý của bộ kinh.

Nói “hữu thời”: không phải là thời mà chúng kia nghe tiếp, biệt hỏi thăm quyết nghi, cho nên biết tự hành không chuyên nơi Thật, lợi vật đâu riêng chỉ có Quyền, bởi vì tự hành hóa tha đều có Quyền thật. Do đó trong Thành tựu nói: “rất sâu”. Trong Tùy nghi nói “khó giải”. “Rất sâu” đâu riêng nơi Thật, “khó giải” không chuyên nơi Quyền, cho nên chỉ dùng Thành tựu đối tự. Tùy nghi đối tha thì nhậm vận tự tha đều đầy đủ nhị trí. Nói “v.v...”: là cũng có thể câu trước kết tự hành là thật, câu sau kết hóa tha là quyền. Do tự hành, nên Quyền thật đều Thật, do hóa tha nên Quyền thật đều Quyền. Do đầu giải thích kết văn chỉ tại tự hành Quyền thật. Tuy nói “thích hợp” mà chánh nói nghĩa công thành, cho nên ý “vân vân” lại phải biệt đối, đầy đủ như trong bốn câu trước nói. Tự hành quyền thật còn khai bốn câu hướng chi đối hóa tha. Hóa tha lý cần phải đầy đủ bốn, vì thế tán thán thật, tán thán quyền và trong giải thích Quyền thật. Quyền đều từ nhân, dùng giải thích nguyên do quả quyền ở trước, bởi vì quả từ nhân đắc. Cho đến trong kết nói “tùy nghi...”: Nên nghĩa kiêm cả nhân quả, bởi vì nhân quyền, dụng quyền đều gọi là Quyền, do dụng trong quyền lại thông nhân quả. Đến chương Thích-ca tán thán giải thích Quyền thật thấy đều từ quả. Đến trong phần Song kết thì Quyền chỉ nhân, song kết tán thán giải thích hai văn.

Tiếp, trong phần “Bài xích ba ý xưa”: Cựu sư cũng có người cho rằng: từ “Sở dĩ vì sao?” trở xuống, là giải thích chư Phật nhị trí..., chỉ giải thích chương Thích-ca phân văn trước trở lại, Cựu cho rằng từ “Xá-lợi-phất” trở xuống, là đều thuộc Quyền, “Tiếp, Xá-lợi-phất” trở xuống, là

đều thuộc Thật, cho nên khiến không đồng. Đầu khai hợp. Sự nay cho rằng: Chư Phật cũng quyền thật đều tán thán, bởi vì đức Thích-ca nhị trí lẽ nào không đồng ư? Chư Phật nhị trí lẽ nào không khác ư? Cho nên biết hai ý sau cũng không đồng xưa, đức Thích-ca cũng trước Thật sau Quyền. Nói “Chỉ y văn”: là y nay phân văn. Nói “Lại nữa, ông nói”: là trách ba thứ không đồng. Do chương môn ngữ Phật cùng hiển Nhất hóa, cho nên đắc Bản tích khai hợp tự tha không sai biệt. Đầu được ngữ Phật xen lẫn biện tại không có ư? Nhưng chẳng phải không có lý đây, chỉ không nên làm trái văn. Văn thuận nghĩa đúng thì đâu cần giải theo cách khác, cho nên nói “vân vân”. “Thí dụ”: Lại phân biệt Tiểu và Diển (Đại thừa) cho nên nói “ba tiêu” và “như huyễn...”. Đây dụ quán Tục đế nên lại lập. Nếu dụ Chân đế và mười sáu môn thì đều lập sự lý, rộng như trong Chỉ liệu giản Quán bốn môn đều lập sự thí. Nói “Y các luận”: e rằng lầm, phải nói “bản luận”. Bản luận lược nêu từ đầu đến cuối trong Tiệm nên nói “Nhũ” và “Đề-hồ”, vẫn thiếu nói “Nhũ, thí dụ mười hai bộ kinh”. Huyền Văn cũng dùng “Nhũ” đối Tiểu. Nói “đều đạt đến biên sự lý”: lẽ ra nói “đáy biên”, hoặc thiếu hoặc lược sự biên lý đáy. “Như lai tri kiến như trước...”: Như trước nay đã giải thích tri kiến Ba-la-mật. “Như đây...”: là giải thích nghi, sợ nghi giải thích kết thật trí mà nói sâu rộng cho rằng thật trí ngôn thuyết có thể sánh kịp. Cho nên, nay giải thích rằng: Căn cứ biên của thể thật không phải ngang dọc, bài xích kia nhiếp pháp không khắp cho nên nói “ngang”, bài xích kia chiếu lý không tốt cùng cho nên nói “dọc”. Rốt ráo mà nói đều chẳng phải ngang dọc. “Dựa vào ngữ ngôn”: chánh để phá nghi, nói có ngang dọc, về lý ắt không như vậy. “Vô hạn” cho nên “không ngang”, “vô cực” cho nên “chẳng dọc”. Như hộp lớn thì nắp lớn...”: là dùng trí Bất nhị xứng lý Bất nhị. “Vô lượng vô ngại”: là như Sinh số kia, vì sinh vô lượng cho nên Từ... vô lượng. Cho nên, “vô lượng” đây còn gọi là “ngần ấy”. Nếu dùng “ngần ấy” mà tán thán Quyền, thì Quyền gọi là “tiện”, dùng “vô hạn” thì gọi là “vô ngại”. Nay lại từ biên tự năng nhập mà nói, cho nên dùng năng nhập xứng vô lượng... “Chẳng những Quang Trạch” cho đến “đời Lương...”: là từ triều đại nhà Lương đều dùng câu này, lấy làm kết thật, thật vô ngại trí không còn bao nhiêu, sao nói vô lượng? Cho nên biết vô lượng dùng tiêu biểu “chẳng phải một”. “Vân vân”: là bốn giáo thật trí đều không có bao nhiêu, lẽ nào viên thật trí lại có bao nhiêu ư? “Vô lượng...”: giải thích bao nhiêu... Cho nên bốn vô lượng định tại Quyền trí. Đã nói Tứ đẳng và Tứ biện nghiệm chẳng phải thật trí, tức là vô duyên tứ vô lượng tâm nhậm vận ứng vật. Bất âm,

Tứ biện, lược vô sở úy: lược như Pháp Giới Thứ Đệ và Chỉ Quán quyền bày nói. Đại luận rộng giải thích, trong đây thì văn lược, chỉ nêu Nhạo thuyết để thuyết ba thứ trước. Văn vẫn lược Pháp chỉ nói một từ một nghĩa mà thôi! Căn cứ đây lại lược không nói, lại cùng tất cả tương tức nói. Tức nói so sánh Thông Biệt, lý hợp bốn giáo tương vọng so sánh quyết định lược vô úy v.v... “Thiền tận thật tướng của thiền...”

Hỏi: Thiền thật tướng cùng Lăng-nghiêm có gì sai biệt?

Đáp: Không đồng. Vì sao? Đối với Thiền căn bản thì đạt tức thật tướng, gọi là đạt thiền. Thủ lăng-nghiêm định bản tánh kiện tướng.

Kinh giải thoát: Cũng cùng tận nguồn gốc của tám giải thoát. “Tam-muội”: là Thiền định giải thoát. Đến Sơ trụ thời phá hai mươi lăm hữu, đã được gọi là “Vương Tam-muội” hưởng chi hợp quả địa mà không đắc Vương Tam-muội ư? Cho nên dưới kết nói “thâm nhập vô tế”. Cho nên biết các thiền đều vô tế. Nếu dùng căn bản tam Tam-muội... mà giải thích trong đây, thì Pháp Hoa biến thành Bà-sa, Câu-xá. Cho nên giải thích kinh thì trước phải biết bộ loại là thuộc thời nào. Trong thời thì tại hội nào giáo nào, như thế mới có thể phê phán giải thích pháp tướng sâu cạn.

Hỏi: Đã nói quyền trí, sao nói thật tướng?

Đáp: Quyền tự hành hoàn toàn chỉ viên nhân, thúc đẩy nhân thành quả cho nên nói thành tựu, tức hưởng vô lượng đều là thật tướng, đều là quả đức, do vô lượng pháp đắc lý. Cho nên có thể dọc ngang, ngang dọc bất nhị.

“Trịnh trọng”: Hán Thư nói: “Hoàng thiên sở dĩ trịnh trọng là vì luôn giáng mạng” Nay văn trước dùng chư Phật đối Thích-ca bèn thành sáu lớp quyền thật. Vì sao trong đây lại hai lớp ư! Cho nên đây thuật nói tiêu biểu sự ân cần, một đời không có cho nên ân cần tiêu biểu, nhưng Tây phương thì nghe lại để tiêu biểu không xem thường. Cõi này căn biệt, nghe lại thì kiêu mạn cho nên văn thuật để dứt cái thấy này. “Nói lời...”: là nêu thật.

Hỏi: Đã nói “khiến vui lòng chúng”, phó vật thì phải là nêu quyền, sao nói nêu thật?

Đáp: Tâm chúng chính lấy đắc thật làm vui lòng, cho nên lại dẫn hai văn làm chứng.

“Trước trong phần tán tán...”: Đây nêu quyền thật trước sau, muốn nêu Phật nay hóa nghi đầu cuối không đồng. Các Sư xưa dùng nghĩa đức Phật nay đối với chư Phật mà làm ý đồng khác, khác thì thành lỗi. Nay biện rõ khác: Là vọng đến Phật khác vẫn đồng. “Lại nêu...”:

Trước phân làm thật thì riêng làm một câu. Nay lần nữa lại giải thích thì đứng đầu hai văn dưới đều nói tóm yếu, tóm yếu không qua quyền thật. “Riêng nêu một việc”: Là nêu thiên hiển phi, cho nên không thiên chỉ hoặc quyền hoặc thật, cho nên nói “đều” vậy “Chỉ! (thôi!)...”: chánh nêu tuyệt dứt lời tán thán, xưa chẳng thể thấy. Ý nay: Văn chỉ có hai nghĩa: 1. Tán thán, 2. “Thiết...”: là “Chỉ”. Đây chọn nghĩa tiện, nếu theo văn tiện thì nên trước là giải thích chỉ.

Tiếp, giải thích tán thán, sở dĩ theo nghĩa: Do đầu giải thích lời tán thán gồm hai chữ: “Chỉ thán”. Bảo “Thôi !” (Chỉ) là tán thán, nên nói: “Chỉ thán”. Tiếp giải thích nhất hưởng để giải thích ý “thôi” tuy nói sợ tổn thương thiện căn, chính dùng “thôi” để sinh ngưỡng mộ, cho nên không giải thích, chỉ sau đó năm ngàn Tỳ-kheo dự phần, hai điềm lành là biết Phật nói âm thanh vi diệu hợp tâm chúng. Lẽ ra đối hai nghĩa chia làm ba ý: 1. Do lý vi diệu đây không thể nói cho nên “thôi”. 2. Muốn nói lý diệu, “thôi” mà tán thán nó. 3. Sắp hộ vật cơ, giống như “thôi” chưa nói, lấy một văn đầu chia hai, cho nên không đồng với Ấn sư ở dưới tự có lược nói khai nguyên do nghi thỉnh kia, cho nên kia giải thích chưa đúng. Ngài Quán sư vẫn giống như ý sau nay mà không biết thường tình có lỗi gì ắt phải “thôi”. Tiếp giải thích trong ý tán thán nói hai ý: Một là “Tu đắc”. Nói “tu đắc” thông nơi cảnh trí hạnh vị tự tha, hạn cuộc nơi quả. Hai là “Cảnh giới” thông nơi phạm Thánh thủy chung thuận nghịch hạn cuộc nơi Phật. Tiếp, “Căn cứ Phật thành tựu...”: ở trong ý thứ nhất, lại dùng hai ý “ngang dọc” để giải thích quả nhân pháp lý ngang dọc tột cùng. Thứ nhất giải thích trong ý đầu nói “Thành tựu đối bất thành tựu”: Dùng quả đối Nhân, Nhân tức Nhân nhân (người), tự tha tương đối tức là “ngang”. Cho nên, biết Nhân nhân (người) đều chưa thành tựu, nên đối giáo vị tùy theo đều phân biệt tha. Kinh, câu thứ nhất thứ ba cũng như vậy. Nay nói “Thành tựu đối bất thành tựu”, cho đến “Nan giải đối bất nan giải”, trong đó lược hai câu cho nên nói “cho đến”. Nên nói “đệ nhất đối bất đệ nhất, hy hữu đối bất hy hữu”, vì bỏ những điều này thì ngoài đều chẳng phải đệ nhất hy hữu. Quả tột cùng trong Viên thì giáo khác không có, nói tức dựa theo để hiểu. Bốn pháp không thành tựu v.v... đối quả kiêm biện rõ nhân và các quyền. “Chỉ có Phật...” là nêu rõ dọc sâu. Câu trước đã dùng lời nói “thành tựu...” đối tha làm “ngang”. Nay có nói “rốt ráo biết hết” (cứu tận), cho nên đối Nhân nêu rõ “dọc”.

